

Giáo dục đại học trong hệ hình giáo dục cận - hiện đại của Việt Nam

Lâm Quang Thiệp

Trưởng Đại học Thăng Long
Nghiêm Xuân Yêm, Đại Kim, Hoàng Mai,
Hà Nội, Việt Nam
Email: lqthiep@gmail.com

TÓM TẮT: *Giáo dục đại học theo mô hình phương Tây ở Việt Nam đã được hình thành từ đầu Thế kỷ XX. Tuy nhiên, có thể xem nền giáo dục đại học hiện đại của nước ta bắt đầu từ khi thành lập Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào năm 1945 và phát triển qua nhiều giai đoạn theo các biến động lịch sử quốc gia: Từ năm 1945 đến khi chấm dứt cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954); Từ khi đất nước bị chia làm 2 miền đến khi thống nhất (1954 - 1975); Từ khi thống nhất đất nước năm 1975 đến nay. Ở đầu Thế kỷ XXI, các mô hình giáo dục đại học phương Tây có ảnh hưởng đến nước ta đều hội tụ đến giáo dục đại học Hoa Kỳ, cho nên mô hình giáo dục đại học mà Việt Nam hướng đến trong thời đại hội nhập quốc tế hiện nay cũng chính là mô hình giáo dục đại học Hoa Kỳ. Các đổi mới giáo dục đại học ở nước ta trong gần 3 thập niên qua đã thực hiện theo hướng đó nhưng còn gặp một số gay gắt. Muốn xây dựng một nền giáo dục đại học hiện đại, tiên tiến, cần đổi mới thể chế và hệ thống quản trị và quản lý giáo dục đại học nhằm đạt được mục tiêu mong muốn.*

TỪ KHÓA: **Giáo dục đại học, hệ hình giáo dục.**

→ Nhận bài 05/8/2021 → Nhận bài đã chỉnh sửa 10/9/2021 → Duyệt đăng 25/10/2021.

1. Đặt vấn đề

Xuất phát từ khái niệm “hệ hình” (paradigm) theo quan niệm ban đầu của Thomas Kuhn trong khoa học tự nhiên (Thomas Kuhn, 1908) và các vận dụng triển khai trong khoa học xã hội và trong giáo dục (GD) (Ted Newell, 2014), một đề tài nghiên cứu về “*Các hệ hình GD ở Việt Nam - Từ truyền thống tới hiện đại*” đã được hình thành trong Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp Quốc gia giai đoạn 2016 - 2020: “*Nghiên cứu phát triển khoa học GD đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền GD Việt Nam*”. Đề tài nói trên đã phân định GD của nước ta thành 5 hệ hình: Hệ hình GD phi quan phương; Hệ hình GD quân chủ - chuyên chế; Hệ hình GD thuộc địa; Hệ hình GD cận - hiện đại; Hệ hình GD đương đại.

Trong 5 hệ hình nói trên, *hệ hình GD đương đại* là cái mà đề tài hướng đến để xác định một hệ hình mới phù hợp với Nghị quyết số 29-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 8 khóa 11 về Đổi mới căn bản và toàn diện GD trong tình hình mới, nhằm xây dựng một hệ thống GD và đào tạo “chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế”. *Bài viết nằm trong khuôn khổ đề tài “Các hệ hình (Paradigm) GD ở Việt Nam - Từ truyền thống đến hiện đại”, Mã số KHGD/16-20.ĐT.037, do GS.TS Trần Ngọc Vương chủ nhiệm, Trường Đại học (ĐH) Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội chủ trì, tài trợ bởi Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp Quốc gia giai đoạn 2016 - 2020.*

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Sự hình thành và phát triển giáo dục đại học trong hệ hình giáo dục cận - hiện đại của Việt Nam

Nền GD hiện đại của Việt Nam chịu ảnh hưởng của mô hình GD phương Tây, cụ thể là mô hình GD của Cộng hòa Pháp, của Liên Xô, Liên bang Nga và của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Mỗi nền GD ĐH đó có nhiều sắc thái khác nhau. Tuy nhiên, trong những thập niên gần đây, có thể thấy có sự hội tụ của ba nền GD ĐH đó: nền GD ĐH của Cộng hòa Pháp và của Liên bang Nga đã và đang gia nhập quá trình Bologna, mà Bologna là quá trình hội nhập GD ĐH Châu Âu với GD ĐH Hoa Kỳ. Do đó, mô hình GD ĐH hiện đại mà Việt Nam cần hướng đến chính là mô hình GD ĐH Hoa Kỳ. GD ĐH hiện đại của nước ta có thể xem như bắt đầu từ năm 1945 khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và có thể được chia thành các giai đoạn: từ năm 1945 đến chấm dứt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), từ khi đất nước bị chia làm 2 miền đến khi thống nhất (1954 - 1975) và từ khi thống nhất đất nước năm 1975 đến nay. Dưới đây sẽ mô tả GD ĐH nước ta trong các giai đoạn nêu trên.

2.1.1. Giáo dục đại học thời kì kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)

Ngày 02 tháng 9 năm 1945, thành lập Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thì ngày 23 tháng 9 năm 1945 bắt đầu Nam Bộ kháng chiến và ngày 19 tháng 12 năm 1946 bùng nổ cuộc toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp.

a. GD ĐH ở vùng kháng chiến

Sau ngày độc lập không lâu, Bộ Quốc gia GD được thành lập và cơ cấu đầu tiên của hệ thống GD được quy định, bao gồm 3 cấp học: đệ nhất cấp, đệ nhị cấp và đệ tam cấp (ĐH). Đối với bậc ĐH, trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến ở một số trường Nông Lâm, Công chính, Mĩ thuật, Thú Y, chỉ giữ lại và mở thêm các lớp trung cấp và tổ chức đi phục vụ sản xuất, chiến đấu. ĐH Y rút ngắn năm học và tăng thời gian đi phục vụ quân y cho các chiến dịch. Tổ chức hai trường sư phạm cao cấp văn, sử địa và lớp dự bị ĐH ở Thanh Hoá, trường Khoa học cơ bản và Sư phạm cao cấp tại Khu học xá Nam Ninh (Trung Quốc). Từ năm 1953, tiếng Việt được hoàn toàn dùng làm chuyên ngữ ở bậc ĐH. Việc gửi lưu học sinh đi học ở các nước xã hội chủ nghĩa cũng được bắt đầu.

b. GD ĐH ở vùng tạm bị chiếm

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, thực dân Pháp chiếm đóng các đô thị và vùng phụ cận. Từ năm 1947, một số trường trong vùng tạm chiếm hoạt động trở lại: Trường ĐH Y Dược Hà Nội và chi nhánh của nó ở Sài Gòn, ĐH Luật với bộ phận tại Hà Nội và tại Sài Gòn, Trường Cao đẳng Khoa học Hà Nội và chi nhánh của nó tại Sài Gòn, Trường Cao đẳng Công chính tại Sài Gòn, Trường Cao đẳng Kiến trúc tại Đà Lạt (là chi nhánh của trường Quốc gia Mĩ thuật Paris). Cũng trong năm 1947, Trường Vô tuyến điện thành lập trực thuộc Cao đẳng Khoa học Sài Gòn.

Từ năm 1950, các trường cao đẳng và ĐH tại Hà Nội hợp nhất thành Viện ĐH Hà Nội với hai trung tâm, một tại Hà Nội, một tại Sài Gòn. Viện trưởng là người Pháp, Viện phó là người Việt Nam. Từ năm 1951, Trường Cao đẳng Khoa học đổi tên thành Trường ĐH Khoa học; Trường Cao đẳng Công chính mở bậc đào tạo cao cấp. Năm 1952, Trường Quốc gia Hành chính được thành lập tại Đà Lạt... Các trường này đều do Pháp trực tiếp quản lí. Chính quyền thân Pháp chỉ quản lí 2 trường được thành lập ở Hà Nội từ năm 1950 là Trường ĐH Văn khoa và Trường Cao đẳng Sư phạm. Sau Hiệp định Geneve 1954, hai trường này chuyển vào Sài Gòn.

2.1.2. Giáo dục đại học thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất đất nước (1954 - 1975)

Theo Hiệp định Geneve năm 1954, Việt Nam tạm thời bị chia làm hai miền Nam - Bắc, sau 2 năm sẽ tiến hành tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Mặc dù vậy, phải đợi đến 21 năm với nhiều mất mát, hi sinh non sông mới thu về một mối. Trong giai đoạn lịch sử phức tạp này, có hai địa bàn mà tổ chức GD mang những đặc điểm khác nhau: miền Bắc và miền Nam.

a. GD ĐH ở miền Bắc

- **Hệ thống các trường ĐH:** Sau Hiệp định Geneve, các trường ĐH và cao đẳng ở vùng kháng chiến chuyển

về Hà Nội cùng với các bộ phận còn lại của các trường ĐH được tiếp quản ở Hà Nội tổ chức thành ĐH Y - Dược, ĐH và Sư phạm Văn khoa, ĐH và Sư phạm Khoa học (tự nhiên).

Từ năm học 1956 - 1957, tất cả các trường ĐH được cải tổ lại hoàn toàn theo kiểu Liên Xô, gồm hai loại mô hình: mô hình *univerxitet* được gọi là *ĐH tổng hợp*, bao gồm các ngành khoa học cơ bản (tự nhiên và xã hội); và mô hình *institit* là các trường ĐH chuyên ngành, thường là đơn ngành hoặc tập hợp một số ngành. Một đặc điểm khác của mô hình Liên Xô cũng được du nhập vào nước ta là xây dựng một hệ thống các viện nghiên cứu nằm bên ngoài các trường ĐH.

Chịu ảnh hưởng của điều kiện sơ tán để đối phó với chiến tranh phá hoại của Mĩ và theo mô hình các trường ĐH đơn ngành, trong nhiều năm sau đó, hàng loạt trường ĐH đơn ngành khác nhau được thành lập hoặc bằng cách nâng từ các trường cấp thấp hơn, hoặc bằng cách tách từ các trường đa ngành. Năm học 1960-1961, thêm các trường: ĐH Mĩ thuật, Kinh tế Kế hoạch, Thủy lợi, Giao thông Vận tải tại Hà Nội và Trường ĐH Sư phạm tại Vinh. Năm học 1962 - 1963, thêm Trường ĐH Ngoại thương. Năm học 1963 - 1964, thêm các trường: ĐH Bưu điện, Thể dục thể thao, Dược, Thương nghiệp. Năm học 1964 - 1965, thêm các trường: ĐH Lâm nghiệp, Tài chính Kế toán. Năm học 1966 - 1967, thêm các trường: ĐH Mỏ - Địa chất, Công nghiệp nhẹ, Thủy sản, Nông nghiệp 2, Sư phạm Việt Bắc, Sư phạm 2, Sư phạm Ngoại ngữ (Bộ GD&ĐT, 1995).

- **Chương trình đào tạo cấp ĐH** đầy đủ thường là 4, 5 năm hay cá biệt 6 năm, học liền một mạch. Các ngành đào tạo hẹp, chuyên sâu vào những năm cuối.

Từ tháng 10 năm 1965, Bộ ĐH và Trung học chuyên nghiệp được tách khỏi Bộ GD. Bộ tổ chức các ban thư kí môn học cho các môn cơ bản và cơ sở, xây dựng các chương trình chuẩn cho các môn đó và tổ chức biên soạn các sách giáo khoa.

- **Về tuyển sinh ĐH:** Sau khi thành lập, từ năm học 1956 - 1957, các trường ĐH ở miền Bắc tuyển sinh theo từng trường. Từ năm học 1970 - 1971, Bộ ĐH và Trung học chuyên nghiệp tổ chức thi tuyển quốc gia ở các tỉnh chung cho tất cả các trường ĐH, đề thi chia làm 3 khối A, B, C.

Giai đoạn 1955 - 1975, là giai đoạn rất quan trọng trong việc hình thành nền GD ĐH Việt Nam hiện đại với hệ thống trường lớp, cơ cấu ngành học tương đối hoàn chỉnh, quy mô rộng lớn. Theo số liệu thống kê, vào năm 1975, ở miền Bắc có 41 trường ĐH, 8.656 giáo chức, 55.700 SV ĐH các loại.

b. GD ĐH ở miền Nam

- **Hệ thống các trường ĐH:** Bậc ĐH có hai loại hình trường: các trường ĐH đa lĩnh vực được gọi là viện ĐH (university) và các trường cao đẳng cộng đồng

(community college) được gọi là Viện ĐH Cộng đồng - đào tạo chương trình hai năm để chuyển tiếp học ở các viện ĐH và các lớp dạy nghề, bồi dưỡng,...

Hệ thống viện ĐH gồm có Viện ĐH Sài Gòn lập năm 1955, Viện ĐH Huế lập năm 1957, Viện ĐH Cần Thơ lập năm 1966, Viện ĐH Bách khoa Thủ Đức lập năm 1973 (gồm ĐH Kỹ thuật Phú Thọ, ĐH Nông nghiệp Thủ Đức và ĐH Sư phạm Kỹ thuật Thủ Đức).

Hệ thống các viện ĐH cộng đồng gồm có: Viện ĐH cộng đồng Duyên Hải thành lập năm 1971, Viện ĐH cộng đồng Quảng Đà thành lập năm 1974, Viện ĐH cộng đồng Tiền Giang thành lập năm 1974. Hệ thống các viện ĐH cộng đồng chưa tổ chức xong, đặc biệt chưa triển khai quy trình liên kết đào tạo chuyển tiếp, thi đất nước thống nhất. Ngoài ra, có các ĐH tư như Viện ĐH Đà Lạt, Viện ĐH Vạn Hạnh, Viện ĐH Minh Đức,...

- **Quy trình dạy và học:** Việc tuyển sinh thường theo hai chế độ. Đối với các viện ĐH tổ chức theo kiểu Pháp, những người có bằng tú tài được ghi danh tự do để học. Tuy nhiên, tỉ lệ loại qua các năm học thường rất cao (Ví dụ, 5 vạn sinh viên (SV) Luật lên năm thứ tư chỉ còn 5 nghìn). Vào một số trường kỹ thuật phải qua thi tuyển rất chặt. Trường Y, Nha chỉ nhận SV đã có các chứng chỉ khoa học cơ bản của các viện ĐH. Năm 1974, chính quyền Sài Gòn đã tổ chức thi tú tài bằng phương pháp trắc nghiệm lần đầu tiên ở nước ta, thường được gọi là Tú tài IBM. Kỳ thi được tổ chức công phu và đạt chất lượng tốt.

Các viện ĐH theo kiểu Pháp thường tổ chức theo *học chế chứng chỉ*. Một nhóm môn học bao gồm cả lý thuyết và thực tập khoảng 300 tiết học được gộp thành một chứng chỉ (certificate). Thi chứng chỉ thường có phần thi viết đầu tiên, ai đậu mới được vào thi thực tập và cuối cùng là vấn đáp. Viện ĐH Sài Gòn cung cấp khoảng 50 chứng chỉ, SV chọn học tự do 5 - 6 chứng chỉ thì được cấp bằng *cử nhân tự do*, học theo một tập hợp các chứng chỉ theo quy định thì được cấp bằng *cử nhân giáo khoa*. Các viện ĐH mới thành lập và các viện ĐH cộng đồng chịu ảnh hưởng của Mỹ thì học theo *học chế tín chỉ*. Mỗi tín chỉ gồm 15 giờ lý thuyết hoặc 30 giờ thực hành. Mỗi môn học thường có khối lượng 3 tín chỉ, SV tích lũy được khoảng 120 tín chỉ theo một tổ hợp nhất định nào đó thì được cấp bằng cử nhân. Có một số trường tổ chức học theo niên chế thông thường.

Đào tạo sau ĐH: Các viện ĐH Sài Gòn, Huế, Thủ Đức, Cần Thơ đều có tổ chức đào tạo cao học thường là học các chuyên đề sâu một năm rồi làm luận văn. Theo số liệu thống kê của chính quyền Sài Gòn thì năm 1975 ở vùng tạm chiếm miền Nam có 7 viện ĐH công, 11 viện ĐH tư, tổng số SV gần 170 nghìn.

2.1.3. Giáo dục đại học của nước Việt Nam thống nhất từ 1975 đến nay

a. Xây dựng hệ thống GD thống nhất

Ngay từ cuối năm 1975, hệ thống GD ĐH ở miền Nam trước đây đã được tiếp quản và sắp xếp lại. Các mô hình viện ĐH, viện ĐH cộng đồng, và loại hình ĐH tư trước đây bị xoá bỏ; các trường ĐH được tổ chức lại theo mô hình các trường ĐH ở miền Bắc, tức là theo mô hình Liên Xô.

Từ việc tổ chức lại đó, *trên địa bàn miền Nam trước đây* xuất hiện các trường ĐH tổng hợp gồm: ĐH Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, ĐH Tổng hợp Huế; Các trường ĐH đơn lĩnh vực hoặc đơn ngành gồm: Tại Thành phố Hồ Chí Minh có ĐH Bách khoa, ĐH Y Dược, ĐH Nông lâm, ĐH Sư phạm, ĐH Sư phạm kỹ thuật, ĐH Kinh tế, ĐH Tài chính, ĐH Kiến trúc,...; Tại Huế có ĐH Nông nghiệp, ĐH Y, ĐH Sư phạm; tại Đà Nẵng có ĐH Bách khoa Đà Nẵng được xây dựng mới; Tại Đà Lạt có Trường ĐH Đà Lạt được thành lập trên địa điểm viện ĐH tư Đà Lạt trước đây; Tại Nha Trang có Trường ĐH Hải sản được thành lập mới; Tại Buôn Ma Thuột có Trường ĐH Tây Nguyên được thành lập mới năm 1977. Tại Cần Thơ, vì một lý do đặc biệt, Trường ĐH Cần Thơ được thành lập trên cơ sở giữ nguyên Viện ĐH Cần Thơ cũ, không bị xé lẻ.

Trên địa bàn miền Bắc trước đây, mạng lưới trường ĐH chỉ có những biến động nhỏ: các trường ĐH Hàng hải và ĐH Kỹ thuật Công nghiệp Việt Bắc được thành lập dựa vào việc nâng cấp các cơ sở cũ của trường ĐH Công nghiệp nhẹ giải thể.

Như vậy, từ sau năm 1975, cả nước ta có một hệ thống GD ĐH thống nhất theo cùng một mô hình và theo cùng một cách điều hành (kiểu Liên Xô).

b. Tổ chức lại GD ĐH trong thời kỳ đổi mới

Các chủ trương cơ bản để đổi mới GD ĐH thể hiện tập trung trong 4 *tiền đề đổi mới* như sau, được thông qua ở Hội nghị Hiệu trưởng ĐH tại Nha Trang năm 1987 (Bộ GD&ĐT, 1995): 1/ GD ĐH không chỉ đáp ứng nhu cầu của biên chế nhà nước và kinh tế quốc doanh mà còn phải đáp ứng nhu cầu của các thành phần kinh tế khác và đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân; 2/ GD ĐH không chỉ dựa vào ngân sách Nhà nước mà còn dựa vào các nguồn lực khác có thể huy động được: Sự đóng góp của các cơ sở sản xuất kinh doanh, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, của cộng đồng, của người học (học phí); Nguồn vốn do các hoạt động của trường về nghiên cứu khoa học, lao động sản xuất, dịch vụ làm ra; Nguồn vốn do các quan hệ quốc tế mang lại; 3/ GD ĐH không chỉ theo chỉ tiêu kế hoạch tập trung như một bộ phận của kế hoạch nhà nước mà còn phải làm kế hoạch theo những đơn đặt hàng, những xu thế dự báo, những nhu cầu học tập từ nhiều phía trong xã hội; 4/ GD ĐH không nhất thiết phải gắn chặt với việc

phân phối công tác cho người tốt nghiệp theo cơ chế hành chính bao cấp. Người tốt nghiệp có trách nhiệm tự tìm việc làm, tự tạo việc làm trong mọi thành phần kinh tế. Những nơi sử dụng lao động được đào tạo sẽ tuyển dụng theo cơ chế chọn lọc. Nhà trường giúp họ nâng cao trình độ, tiếp tục bồi dưỡng để thích nghi với những yêu cầu cơ động về ngành nghề trong thực tiễn.

Theo bốn tiền đề, các trường ĐH thực hiện hàng loạt đổi mới: Tăng chỉ tiêu đào tạo ngoài chỉ tiêu Nhà nước yêu cầu, cho ra đời nhiều loại hình đào tạo mới; Tăng cường các hoạt động nghiên cứu khoa học, phục vụ sản xuất, thực hiện các hợp đồng đào tạo và dịch vụ để tăng nguồn thu, thu học phí của một bộ phận SV; Tách quá trình phân phối sản phẩm đào tạo khỏi quá trình đào tạo, tức là nhà trường không đảm nhiệm phân công công tác cho người tốt nghiệp như trước kia, từ đó tăng tính năng động của SV.

Về ngành nghề và quy trình đào tạo, cũng có những đổi mới quan trọng: Đối với phần lớn trường ĐH mà sản phẩm không có địa chỉ sử dụng xác định, việc đào tạo cấp ĐH được chuyển từ mô hình ngành hẹp và liền mạch thành đào tạo theo diện rộng với hai giai đoạn để người học dễ thích nghi khi chuyển đổi ngành nghề và tìm việc làm; Chương trình học được cấu trúc theo modun (học phần) để tăng tính mềm dẻo, tính khối lượng học tập theo “đơn vị học trình”; Đối với các trường thuận lợi thì chuyển đào tạo theo “tín chỉ” (ĐH Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh là nơi thực hiện học chế tín chỉ đầu tiên năm 1993, sau đó đến ĐH Đà Lạt, ĐH Cần Thơ, ĐH Thủy sản Nha Trang,...).

Đào tạo sau ĐH: Từ năm 1976, việc đào tạo sau ĐH với học vị phó tiến sĩ đã bắt đầu được triển khai trong nước. Vào năm 1991, hình thành cấp cao học với học vị thạc sĩ ở giữa cấp ĐH và cấp đào tạo tiến sĩ.

2.2. Hướng đến một nền giáo dục đại học Việt Nam hiện đại, tiên tiến

Trong hệ hình GD đương đại tất yếu có chứa nền GD ĐH hiện đại. Như đã nói trên đây, từ khi bắt đầu “đổi mới”, chúng ta đã xây dựng một nền GD ĐH hiện đại tiên tiến. Tuy nhiên, quá trình xây dựng đã gặp nhiều gay cản, cần nhận thức rõ những gay cản đó để hướng tới một nền GD ĐH mà chúng ta mong muốn.

2.2.1. Một số gay cản trong quá trình phát triển giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay

Từ khi bắt đầu quá trình “đổi mới” (cuối năm 1986), GD ĐH Việt Nam đã được tổ chức lại theo hướng kinh tế thị trường. Nhiều trường ĐH đã được xây dựng theo mô hình mới, việc quản trị và quản lý GD ĐH đã có những bước cải tiến, chương trình và quy trình đào tạo đã được thay đổi. Tuy nhiên, quá trình đổi mới GD ĐH đã gặp nhiều gay cản và cản trở. Dưới đây sẽ nêu một

số gay cản và cản trở lớn.

- Trước hết, việc thành lập 2 ĐH quốc gia và 3 ĐH vùng theo mô hình ĐH đa lĩnh vực với mong muốn có các ĐH nòng cốt cho hệ thống GD ĐH của đất nước đã diễn ra không suôn sẻ. Mô hình ĐH 2 cấp, một giải pháp tình thế để xử lý những khó khăn về tổ chức khi sáp nhập các trường đã kéo dài mấy thập niên qua, vô hiệu hóa ưu thế của mô hình ĐH đa lĩnh vực. Khi góp ý cho dự thảo Luật GD ĐH nước ta năm 2018, các chuyên gia của World Bank đã nhấn mạnh các bất hợp lý của mô hình các ĐH quốc gia (The World Bank, 2018). Họ nói đó là mô hình duy nhất độc đáo tại Việt Nam (“Is unique to Vietnam”) và không thấy ở bất kì nước nào trên thế giới (“We have not come across this set up in any country in the world”). Nói theo ngôn ngữ thông thường, đó là một mô hình “không giống ai” trên thế giới. Theo họ, mô hình đó dẫn đến các nhược điểm là: “Không tận dụng được hết ưu thế về tài năng, kiến thức và tiềm lực hiện có bị phân tán trong một số lớn các cơ sở tách biệt...”. “Các cơ sở ĐH phi tập trung có xu hướng trở thành không hiệu quả vì sự trùng lặp của việc cung cấp các khóa học và các cấu trúc hành chính. Các hoạt động trong giảng dạy và nghiên cứu vẫn được giữ trong nội bộ các trường và khoa riêng biệt. Những nỗ lực đa ngành bị cản trở. Các nguồn lực tài chính và khoa học không được chia sẻ rộng rãi.” WB cũng nêu một số đề nghị về việc xử lý các gay cản về mô hình các ĐH quốc gia nói trên.

- *Về mô hình quản trị và quản lý GD ĐH*, quan niệm các trường ĐH phải có quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình đã được đưa vào Luật GD năm 1998. Hội đồng trường, công cụ để thực hiện quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình trong một thực thể dân chủ, cũng đã được đưa vào Điều lệ trường ĐH năm 2003. Một cản trở lớn của việc thực hiện tự chủ ĐH là cơ chế bộ chủ quản và trường trực thuộc, thì Nghị quyết 14/2005/NQ-CP của Chính phủ đã có điều khoản “Xóa bỏ cơ chế bộ chủ quản, xây dựng cơ chế đại diện sở hữu nhà nước đối với các cơ sở GD ĐH công lập”. Tuy có rất nhiều văn bản quy định việc đổi mới quản trị và quản lý GD ĐH như trên nhưng cho đến nay, vấn đề tự chủ ĐH vẫn là một gay cản lớn vì việc thực thi các cơ chế đổi mới này gặp nhiều cản trở từ các bộ máy điều hành của Nhà nước, từ đó một số trường ĐH háng hái thực hiện quyền tự chủ gặp nhiều khó khăn.

- *Về đào tạo ĐH*, từ thập niên đầu tiên đổi mới GD ĐH, một quy trình đào tạo mới đã được Bộ GD&ĐT đưa ra, bao gồm đào tạo hai giai đoạn ở bậc ĐH, chuyên nghiệp theo diện rộng, thiết kế chương trình theo modun, ở các ĐH đa ngành đa lĩnh vực lớn có tổ chức “Trường ĐH đại cương” để chuyên trách đào tạo chương trình giai đoạn 1 ... Các đổi mới này chịu ảnh hưởng của mô hình ĐH Hoa Kỳ vì còn mang nặng tư

duy theo mô hình ĐH Liên Xô cũ của cộng đồng ĐH nên sự hưởng ứng các đổi mới đó rất giới hạn. Cho đến nay, đổi mới về chương trình và quy trình đào tạo cũng chưa được thực hiện suôn sẻ.

Làm gì để xây dựng một nền giáo dục đại học Việt Nam hiện đại, tiên tiến?

Để xây dựng một nền GD ĐH Việt Nam hiện đại, tiên tiến, trước hết Nhà nước và cộng đồng GD ĐH nước ta cần nghiên cứu để thấu hiểu nền GD ĐH mà chúng ta muốn hướng đến và quyết tâm đổi mới để xây dựng nền GD ĐH theo mô hình đã chọn. Nhà nước cần cải tiến mạnh mẽ thể chế để hỗ trợ cho tiến trình đó, quán triệt chủ trương của Nhà nước đến bộ máy quản trị và quản lý GD ĐH của Nhà nước, đặc biệt là các bộ phận đóng vai trò cơ quan chủ quản cũ. Nhà nước và cộng đồng GD ĐH cần quyết tâm khắc phục các gay cản cản

trở việc đổi mới GD ĐH hiện nay. Với sự đồng thuận cao giữa Nhà nước và cộng đồng GD ĐH, hi vọng Việt Nam sẽ tiến đến một nền GD ĐH hiện đại tiên tiến như mong muốn.

3. Kết luận

Ở đầu Thế kỉ XXI, các mô hình GD ĐH phương Tây có ảnh hưởng đến nước ta đều hội tụ đến GD ĐH Hoa Kỳ, cho nên mô hình GD ĐH mà Việt Nam hướng đến để hội nhập quốc tế cũng chính là mô hình GD ĐH Hoa Kỳ. Các đổi mới GD ĐH ở nước ta trong gần 3 thập niên qua đã đi theo hướng đó nhưng còn gặp một số vấn đề. Để xây dựng một nền GD ĐH hiện đại, tiên tiến cho nước ta, cần đổi mới thể chế và hệ thống quản trị và quản lý GD ĐH nhằm đạt được mục tiêu mong muốn.

Tài liệu tham khảo

- [1] Thomas Kuhn, (2008), *Cấu trúc các cuộc cách mạng khoa học*, NXB Tri thức.
- [2] Ted Newell, (2014), *Five Paradigms for Education*, <https://www.palgrave.com/gp/book/9781137398017>
- [3] Lâm Quang Thiệp, (2017), *Nghiệp vụ sư phạm đại học*, NXB Giáo dục, <https://lqthiep.blogspot.com/>.
- [4] Lê Văn Giảng, (2003), *Lịch sử giản lược hơn 1000 năm nền giáo dục Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [5] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (1995), *Năm mươi năm phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo (1945 - 1995)*, NXB Giáo dục.
- [6] https://ec.europa.eu/education/education-in-the-eu/european-education-area_en.
- [7] Lâm Quang Thiệp, (2011), *Humboldt, Hoa Kỳ và đại học Việt Nam, Đại học Humboldt 200 năm*, NXB Tri thức.
- [8] Perkin H, (1997), *History of Universities, The History of Higher Education*, ASHE Reader Series, Simon & Schuster Custom Publishing.
- [9] *The World Bank team comments on Vietnam HE Law amendment draft*, 29 tháng 4 năm 2018.

HIGHER EDUCATION IN THE NEAR MODERN PARADIGM OF VIETNAM

Lam Quang Thiep

Thang Long University
 Nghiem Xuan Yem, Dai Kim, Hoang Mai, Hanoi
 Email: lqthiep@gmail.com

ABSTRACT: *Vietnamese higher education on the Western model has been developed since the the early 20th century. However, the modern higher education of Vietnam is considered as starting from the founding of the Democratic Republic of Vietnam in 1945, and developed through many stages according to national historical upheavals; from 1945 to the end of the resistance war against the French (1945 - 1954); from the time the country was divided into two regions until the reunification (1954 - 1975); and since the unification of the country in 1975 until now. At the beginning of the 21st century, the Western models of higher education hat have influenced Vietnamese education are all from the US higher education, therefore the higher education model that Vietnam is pursuing in the current context of international integration is the US higher education model. The higher education reforms over the past three decades have been implemented in that direction, but they have still some difficulties. To build an advanced and modern higher education for Vietnam, it is necessary to reform the system of higher education governance and management in order to achieve the desired goal.*

KEYWORDS: Higher education, educational paradigm.